

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

CÔNG THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI - WWW.VIETNAMEXPORT.COM

2014



MỤC LỤC

Phần 1. TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC.....	2
1. Tình hình chung về thị trường Trung Quốc.....	2
2. Quan hệ với Việt Nam	10
Phần 2. QUY ĐỊNH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀO TRUNG QUỐC	13
1. Thủ tục hải quan khi xuất khẩu hàng vào Trung Quốc.....	13
2. Thủ tục mở công ty và văn phòng đại diện tại Trung Quốc	19
3. Một số điểm lưu ý khi kinh doanh với Trung Quốc.....	20
Phần 3. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH.....	21
1. Các cơ quan đại diện thương mại tại Trung Quốc.....	21
2. Danh sách các nhà nhập khẩu.....	23

Phần 1. TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

1. Tình hình chung về thị trường Trung Quốc

Theo Tổng Cục thống kê Trung Quốc quý II/2014 nền kinh tế nước này tăng trưởng 7,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Mức tăng trưởng này vượt dự báo của các nhà kinh tế cho rằng tăng trưởng của kinh tế Trung Quốc trong quý II sẽ bằng mức tăng trưởng quý I là 7,4%. Đây được xem là kết quả của hàng loạt chính sách được Chính phủ Trung Quốc đưa ra trong bối cảnh có những quan ngại kinh tế tăng trưởng chậm lại. Mặc dù các nỗ lực nới lỏng chính sách của Trung Quốc được đánh giá là có hiệu quả ổn định trong ngắn hạn, song nhiều nhà phân tích vẫn tỏ ra không lạc quan về triển vọng tăng trưởng của cả năm 2014.

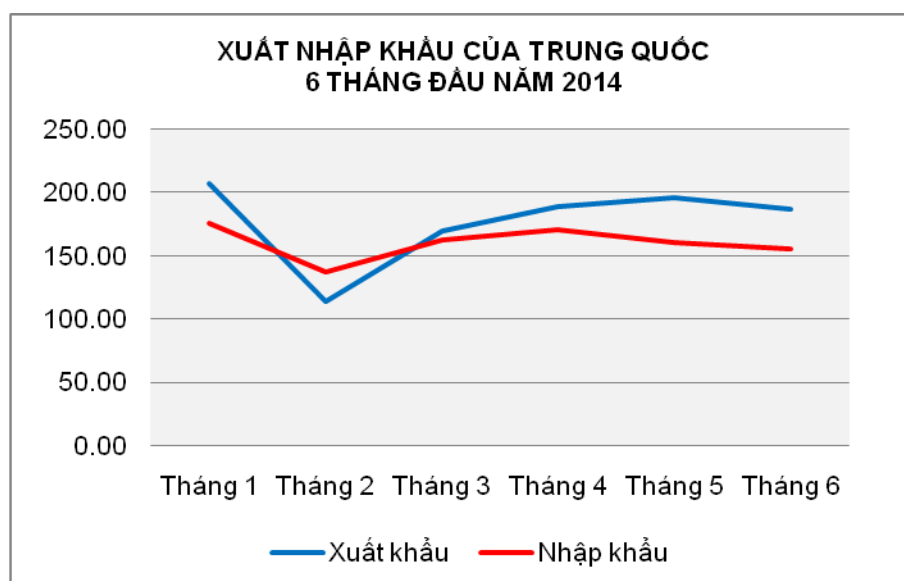
Trong sáu tháng đầu năm xuất nhập khẩu của Trung Quốc vẫn duy trì tốc độ tốt, trừ tháng 2, các tháng khác tổng kim ngạch giữ đều ở mức xung quanh 350 tỷ USD, thặng dư thương mại dương

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU CỦA TRUNG QUỐC

Đơn vị: tỷ USD

	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6
Xuất khẩu	207.06	114.06	170.05	188.46	195.45	186.79
Nhập khẩu	175.14	136.85	162.26	169.99	159.54	155.22
Tổng kim ngạch	382.20	250.90	332.31	358.46	354.99	342.01
Thặng dư	31.92	-22.79	7.79	18.47	35.91	31.56

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

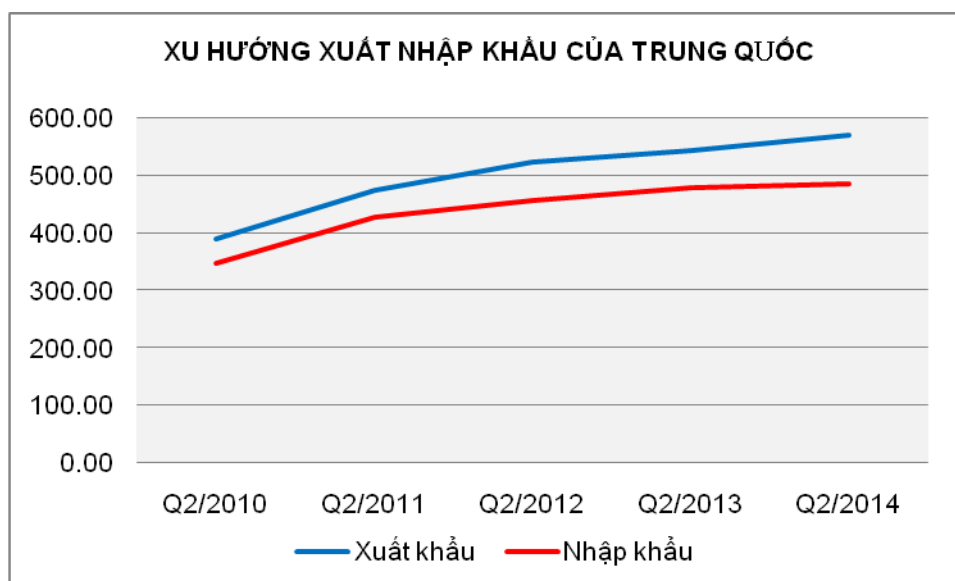


Xu hướng xuất nhập khẩu của Trung Quốc

Xuất khẩu của Trung Quốc trong quý II đạt 570.7 tỷ USD, tăng 4.88% so với cùng kỳ năm 2013. Trong khi nhập khẩu đạt 484.76 tỷ USD, tăng 1.32% so cùng kỳ năm 2013. Tính chung trong cả quý II/2014, tổng kim ngạch đạt 1,055.45 tỷ USD tăng 32.87 tỷ USD so với năm 2013, thặng dư thương mại dương 85.94 tỷ USD.

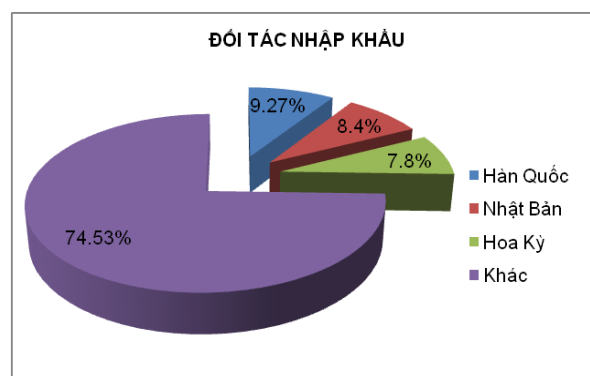
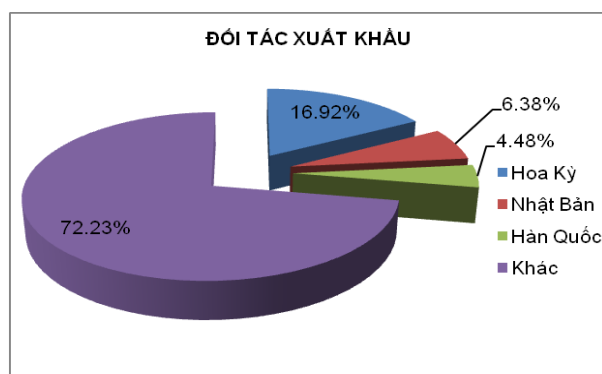
Đơn vị: tỷ USD

	Q2/2010	Q2/2011	Q2/2012	Q2/2013	Q2/2014
Xuất khẩu	389.00	474.81	524.62	544.14	570.70
Nhập khẩu	347.75	428.09	455.73	478.43	484.76
Tổng kim ngạch	736.75	902.90	980.35	1,022.58	1,055.45
Thặng dư	41.25	46.72	68.89	65.71	85.94
Tăng trưởng xuất khẩu	-	22.06	10.49	3.72	4.88
Tăng trưởng nhập khẩu	-	23.10	6.46	4.98	1.32



Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế

Xuất nhập khẩu với đối tác thương mại chính



Các đối tác xuất nhập khẩu lớn nhất của Trung Quốc tính theo kim ngạch là Hoa Kỳ Nhật Bản và Hàn Quốc

Trong đó Hoa Kỳ là đối tác xuất khẩu lớn nhất của Trung Quốc, chiếm 16.92% tổng kim ngạch xuất khẩu của nước này theo sau là Nhật Bản và Hàn Quốc chiếm tỉ trọng lần lượt là 6.38% và 4.48%. Các mặt hàng xuất khẩu chính của Trung Quốc gồm có: máy móc thiết bị điện thoại máy tính xách tay, giày dép, hàng dệt may, đồ nội thất...

Đối với nhập khẩu 3 đối tác lớn nhất của Trung Quốc chiếm tỉ trọng gần tương đương nhau với Hàn Quốc là đối tác lớn nhất chiếm khoảng 9.27% tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc, theo sau là Nhật Bản và Hoa Kỳ với tỉ trọng 8.4% và 7.8%. Các mặt hàng nhập khẩu chính của Trung Quốc gồm: nhập khẩu lại đậu nành, xe ô tô có dung tích trên 3000cc, thiết bị máy bay, hóa chất,...

CƠ CẤU NHẬP KHẨU HÀNG CỦA TRUNG QUỐC

Đơn vị: triệu USD

HS	Mặt hàng	Q2/2014	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)
'85	Máy móc, thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và sao âm thanh, máy ghi và sao âm thanh, hình ảnh truyền hình; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của các loại máy trên	104,224.09	-2.26
'27	Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm phân tách từ chúng; các chất chứa bitum; các loại sáp khoáng chất	82,382.70	8.32
'84	Lò phản ứng hạt nhân; nồi hơi đun sủi; máy công cụ, trang thiết bị cơ khí; phụ tùng của các loại máy trên	44,582.22	4.75
'26	Quặng, xỉ và tro	34,944.85	-5.15
'90	Dụng cụ, máy móc quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, chính xác, y tế, phẫu thuật; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng	26,743.06	0.02
'87	Xe cộ trừ toa xe lửa hoặc xe điện; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng	23,779.18	23.27

HS	Mặt hàng	Q2/2014	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)
'39	Plastic và các sản phẩm của plastic	18,959.47	9.22
'29	Hoá chất hữu cơ	14,963.12	-5.37
'12	Hạt và quả có dầu; các loại quả hạt khác; cây công nghiệp	13,048.93	21.30
'99	Một số mặt hàng đặc biệt	12,406.33	-53.85
'74	Đồng và các sản phẩm bằng đồng	11,386.34	-3.20
'71	Ngọc trai thiên nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá nửa quý, kim loại quý, kim loại mạ kim loại quý, và các sản phẩm của chúng; đồ kim hoàn gị; tiền kim loại	6,887.82	55.68
'88	Phương tiện bay, tàu vũ trụ và các bộ phận của chúng	6,761.73	31.69
'44	Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ, than củi	6,271.92	30.52
'72	Sắt và thép	5,448.77	1.66
'47	Bột giấy làm từ gỗ hoặc từ các chất liệu sợi xenlulo khác; giấy, bìa giấy tái sinh (phế liệu và phế thải)	4,418.21	-1.95
'30	Dược phẩm	4,395.52	16.24
'38	Các sản phẩm hoá chất khác	4,337.53	9.09
'40	Cao su và các sản phẩm bằng cao su	4,268.88	-15.75
'52	Bông	3,263.03	-22.94
'73	Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép	2,947.22	14.94
'28	Các hóa chất vô cơ, các hợp chất vô cơ hoặc hữu cơ của các kim loại quý của kim loại đất hiếm, của các nguyên tố phóng xạ hoặc của các chất đồng vãi	2,670.71	47.85
'15	Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật; và các sản phẩm lấy từ mỡ hoặc dầu động vật hoặc thực vật; mỡ chế biến làm thực phẩm; các loại sáp động hoặc thực vật	2,336.93	-14.60
'41	Da sống (trừ da lông) và da thuộc	2,253.24	2.28
'76	Nhôm và các sản phẩm bằng nhôm	1,968.43	-1.83
'70	Thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh	1,897.04	3.10
'04	Sữa và các sản phẩm từ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên, thực phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	1,888.67	101.69
'03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống, sống dưới nước khác	1,711.54	21.92
'02	Thịt và các bộ phận nội tạng của động vật dùng làm thực phẩm	1,605.90	10.30
'10	Ngũ cốc	1,532.66	55.95
'25	Muối, lưu huỳnh, đất và đá, thạch cao, vôi và xi măng	1,497.93	0.50

HS	Mặt hàng	Q2/2014	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)
'08	quả và hạt ăn được, vỏ quả họ chanh hoặc họ dứa	1,364.71	15.76
'23	Phế thải, phế liệu từ ngành công nghiệp thực phẩm; thức ăn gia súc đã chế biến	1,175.36	38.44
'32	Các chất chiết xuất làm thuốc nhuộm, hoặc thuốc da; tananh và các chất dẫn xuất của chúng; thuốc nhuộm, thuốc màu khác; sản và vecnơ; chất gắn và các loại matít khác; các loại mực	1,166.23	7.15
'48	Giấy và bìa giấy; các sản phẩm làm bằng bột giấy, bằng giấy hoặc bằng bìa giấy	1,136.10	-1.43
'75	Niken và các sản phẩm bằng niken	1,114.88	-1.02
'34	Xà phòng, các chất hữu cơ để tẩy rửa bề mặt, các chế phẩm dùng để giặt, rửa, bôi trơn, các loại sáp nhân tạo, sáp chế biến, các chế phẩm dùng để đánh bóng hoặc gột tẩy, nến và các sản phẩm tương tự, chất bột dùng làm hình mẫu sáp (hàn răng) dùng trong nha khoa	998.35	5.99
'51	Lông cừu, lông động vật loại mịn hoặc loại thô; sợi và vải dệt từ lông đuôi và bờm ngựa	977.64	-15.12
'54	Sợi filament tổng hợp hoặc nhân tạo	962.22	-3.74
'31	Phân bón	929.91	-8.50
'82	Dụng cụ, đồ nghề, dao, kéo và bộ đồ ăn làm từ kim loại thường; các bộ phận của chúng làm từ kim loại thường	898.17	12.26
'94	Đồ dùng (giường, tủ, bàn, ghế...); bộ đồ giường, đệm, lót đệm giường, nệm và các trang bị tương tự; đèn các loại và bộ đèn chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hộp được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự; các cấu kiện nhà	861.46	20.42
'91	Đồng hồ cá nhân hoặc đồng hồ loại khác và phụ tùng của đồng hồ	835.70	-4.50
'55	Sợi staple tổng hợp hoặc nhân tạo	829.16	-4.19
'33	Tinh dầu, các chất tựa nhựa, nước hoa, mỹ phẩm hoặc các chế phẩm dùng cho vệ sinh	814.98	37.96
'35	Các chất chứa anbumin; các dạng tinh bột; keo hồ; enzym	796.94	7.22
'62	Quần áo và hàng may mặc sẵn, không thuộc loại hàng dệt kim, đan hoặc móc	763.63	22.66
'22	Đồ uống, rượu và giấm	757.62	1.67
'07	Rau và một số loại củ, rễ ăn được	624.52	-6.67

HS	Mặt hàng	Q2/2014	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)
'19	Sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, sữa; các loại bánh	617.47	3.82
'60	Vải dệt kim, đan hoặc móc	570.93	-11.28
'37	Vật liệu hoặc điện ảnh	569.92	-5.20
'59	Các loại vải dệt đã được thấm tẩm, hồ, phủ dát; các sản phẩm dệt dùng trong công nghiệp	563.93	7.43
'64	Giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự các bộ phận của các sản phẩm trên	508.20	23.50
'42	Các sản phẩm bằng da thuộc; bộ đồ yên cương; các mặt hàng du lịch, túi xách và các loại bao hộp tương tự; các sản phẩm làm từ ruột động vật (trừ ruột con tằm)	496.66	7.63
'79	Kẽm và các sản phẩm bằng kẽm.	494.18	32.96
'49	Sách báo, tranh nh và các sản phẩm khác của công nghiệp in; các loại bản tho viết bằng tay, đánh máy và đồ bản	491.63	12.49
'83	Hàng tạp hóa làm từ kim loại thường	482.49	8.25
'24	Thuốc lá lá và nguyên liệu thay thế thuốc lá lá đã chế biến	463.69	58.63
'61	Quần áo và hàng may mặc sẵn, dệt kim, đan hoặc móc	444.94	36.57
'95	Đồ chơi, dụng cụ dùng cho giải trí và thể dục thể thao; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng.	431.61	32.96
'86	Đầu máy, toa xe lửa hoặc xe điện và phụ tùng xe lửa, xe điện; các bộ phận để cố định và khớp nối đường ray xe lửa hoặc xe điện và phụ tùng của chúng; trang thiết bị cụ khí (kể cả cơ cụ điện) dùng cho hệ thống tín hiệu giao thông	429.30	70.21
'96	Các mặt hàng khác;	429.19	9.01
'68	Sản phẩm làm bằng đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica hoặc các vật liệu tương tự	420.16	14.59
'43	Da lông và da lông nhân tạo; các sản phẩm làm từ da lông và da lông nhân tạo	398.27	-0.08
'81	Kim loại thường khác; gốm kim loại; sản phẩm làm từ kim loại thường khác và gốm kim loại	372.53	-9.84
'21	Các sản phẩm chế biến ăn được khác	347.58	13.37
'56	Bông nỉ, nỉ và các sản phẩm không dệt; các loại sợi xe đặc biệt; dây bện, thừng, chảo các loại, dây cáp và các sản phẩm làm từ các vật liệu trên	332.97	9.11
'17	Đường và các loại mứt kẹo có đường	328.85	-23.26
'89	Tàu thuyền và các kết cấu nổi	267.23	-43.21

HS	Mặt hàng	Q2/2014	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)
'53	Sợi dệt gốc thực vật khác; sợi giấy và vải dệt bằng sợi giấy	244.22	26.09
'20	Sản phẩm chế từ rau, quả, hạt và các phần khác của cây	224.22	34.14
'69	Đồ gốm, sứ	194.27	9.49
'58	Các loại vải dệt đặc biệt; các loại vải chần; ren; thảm trang trí; đồ trang trí; đồ thêu	185.61	-9.75
'11	Các sản phẩm xay xát; mạch nha; tinh bột; innulin; gluten bột mỳ	181.99	15.39
'01	Động vật sống	167.06	223.14
'18	Ca cao và các sản phẩm chế biến từ ca cao	155.32	15.22
'97	Các tác phẩm nghệ thuật, đồ sưu tầm và đồ cổ	144.69	69.93
'05	Các sản phẩm khác từ động vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở các mục khác	142.76	1.24
'63	Các sản phẩm dệt may sẵn khác; bộ vải và chỉ trang trí, quần áo cũ và các loại hàng dệt cũ; vải vụn	122.45	11.97
'80	Thiếc và các sản phẩm bằng thiếc	109.00	-20.01
'09	Cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị	84.29	52.08
'67	Lông vũ và lông mao chế biến, các sản phẩm bằng lông vũ hoặc lông mao; hoa nhân tạo; các sản phẩm làm từ tóc	81.48	-9.86
'92	Nhạc cụ; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của nhạc cụ	79.25	6.13
'13	Cánh kiến đồ; gốm, các loại nhựa cây và chất chiết suất từ thực vật	66.59	-9.80
'16	Các sản phẩm chế biến từ thịt cá động vật giáp xác hay động vật thân mềm hoặc động vật không xương sống, sống dưới nước khác	64.78	49.42
'06	Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; hoa cắt rời và các loại lá trang trí	58.05	43.61
'14	Vật liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	55.37	10.96
'57	Thảm và các loại trải sàn bằng hàng dệt khác	42.46	11.95
'36	Chất nổ; các sản phẩm pháo; các chất hỗn hợp pyrophoric; các chế phẩm dễ cháy khác	35.84	11.86
'50	Tơ	18.18	-30.63
'78	Chì và các sản phẩm bằng chì	15.12	-5.82
'65	Mũ, khăn, mạng đội đầu và các bộ phận của các sản phẩm kể trên.	13.00	23.17
'45	Lie và các sản phẩm bằng lie.	9.85	1.17

HS	Mặt hàng	Q2/2014	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)
'66	Ô, dù che, ba toong, gậy chống, roi da, roi điều khiển súc vật kéo và các bộ phận của các sản phẩm trên	6.17	9.70
'46	Sản phẩm làm từ rơm, cỏ giấy hoặc từ các loại vật liệu tết bện khác; các sản phẩm liểu gai song mây	2.36	-28.12
'93	Vũ khí và đạn dược, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng;	0.51	118.97

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế

2. Quan hệ với Việt Nam

a. Tình hình chung

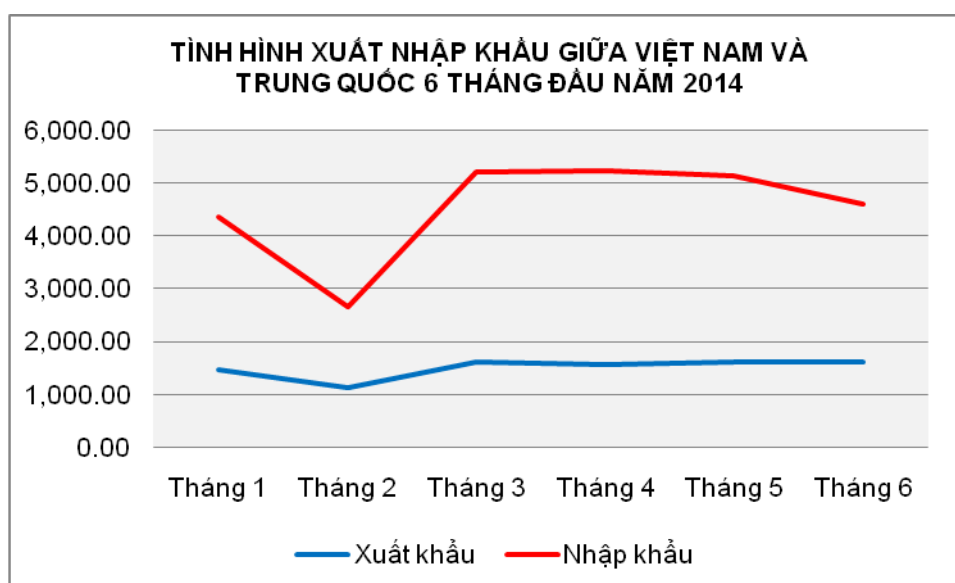
Mặc dù năm 2014 có nhiều biến động, nhưng nhìn chung Trung Quốc vẫn là bạn hàng lớn của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm duy trì ở mức trên dưới 1.5 tỷ USD, trừ tháng 2 là tháng lễ hội. Nhập khẩu duy trì ở mức 4.5-5 tỷ USD. Thặng dư thương mại nghiêng về phía Trung Quốc với giá trị trên 3 tỷ USD mỗi tháng.

Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc

Đơn vị: triệu USD

	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6
Xuất khẩu	1,463.65	1,126.34	1,599.04	1,547.52	1,605.03	1,594.73
Nhập khẩu	4,356.91	2,667.40	5,229.68	5,242.25	5,145.19	4,610.92
Tổng kim ngạch	5,820.56	3,793.74	6,828.71	6,789.77	6,750.22	6,205.64
Thặng dư	-2,893.26	-1,541.06	-3,630.64	-3,694.73	-3,540.16	-3,016.19

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế



Xu hướng xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc

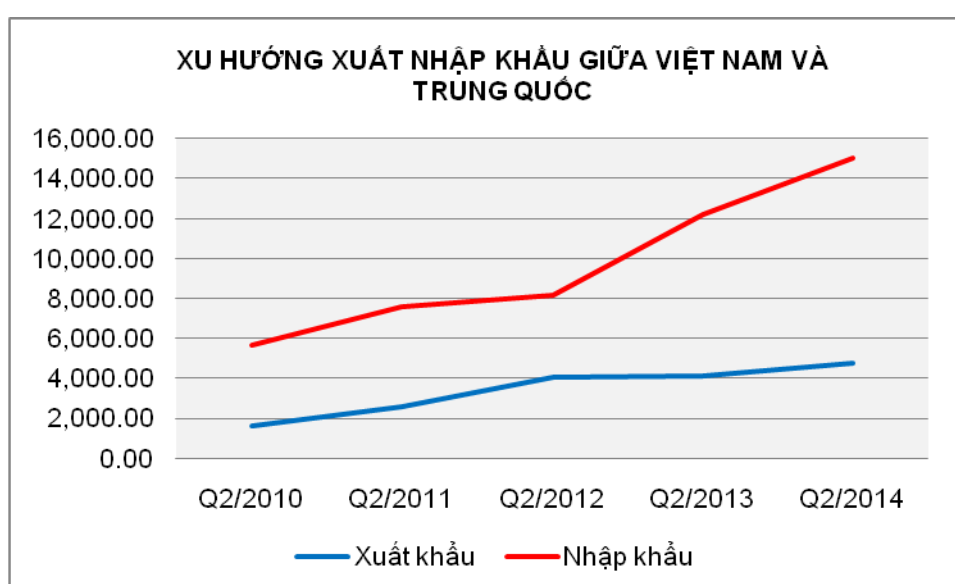
Trong quý II/2014, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 4,747.28 triệu USD tăng trưởng 14.83% so với cùng kỳ năm 2013 tuy nhiên tốc độ tăng trưởng xuất khẩu vẫn thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng nhập khẩu, kim ngạch nhập khẩu đạt 14,998.35 triệu USD tăng 23.43% so với cùng kỳ năm 2013. Do chênh lệch lớn về tốc độ tăng trưởng, thặng dư thương mại quý II/2014 tiếp tục âm với giá trị lớn trên 10 tỷ USD. Đây cũng là thực tế dễ nhận thấy do Trung Quốc là một nước xuất khẩu mạnh, hàng hóa xâm nhập khắp các thị trường thế giới, trong khi hàng Việt Nam sức cạnh tranh còn kém và nhiều mặt hàng của ta phải phụ thuộc vào nguyên vật liệu nhập khẩu từ Trung Quốc.

XU HƯỚNG XUẤT NHẬP KHẨU GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Đơn vị: triệu USD

	Q2/2010	Q2/2011	Q2/2012	Q2/2013	Q2/2014
Xuất khẩu	1,616.24	2,599.58	4,056.15	4,134.01	4,747.28
Nhập khẩu	5,648.39	7,560.16	8,134.77	12,151.44	14,998.35
Tổng kim ngạch	7,264.62	10,159.74	12,190.92	16,285.45	19,745.63
Thặng dư	-4,032.15	-4,960.58	-4,078.62	-8,017.43	-10,251.07
Tăng trưởng xuất khẩu	-	60.84	56.03	1.92	14.83
Tăng trưởng nhập khẩu	-	33.85	7.60	49.38	23.43

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế



b. Cơ cấu những mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Trung Quốc

Đơn vị: triệu USD

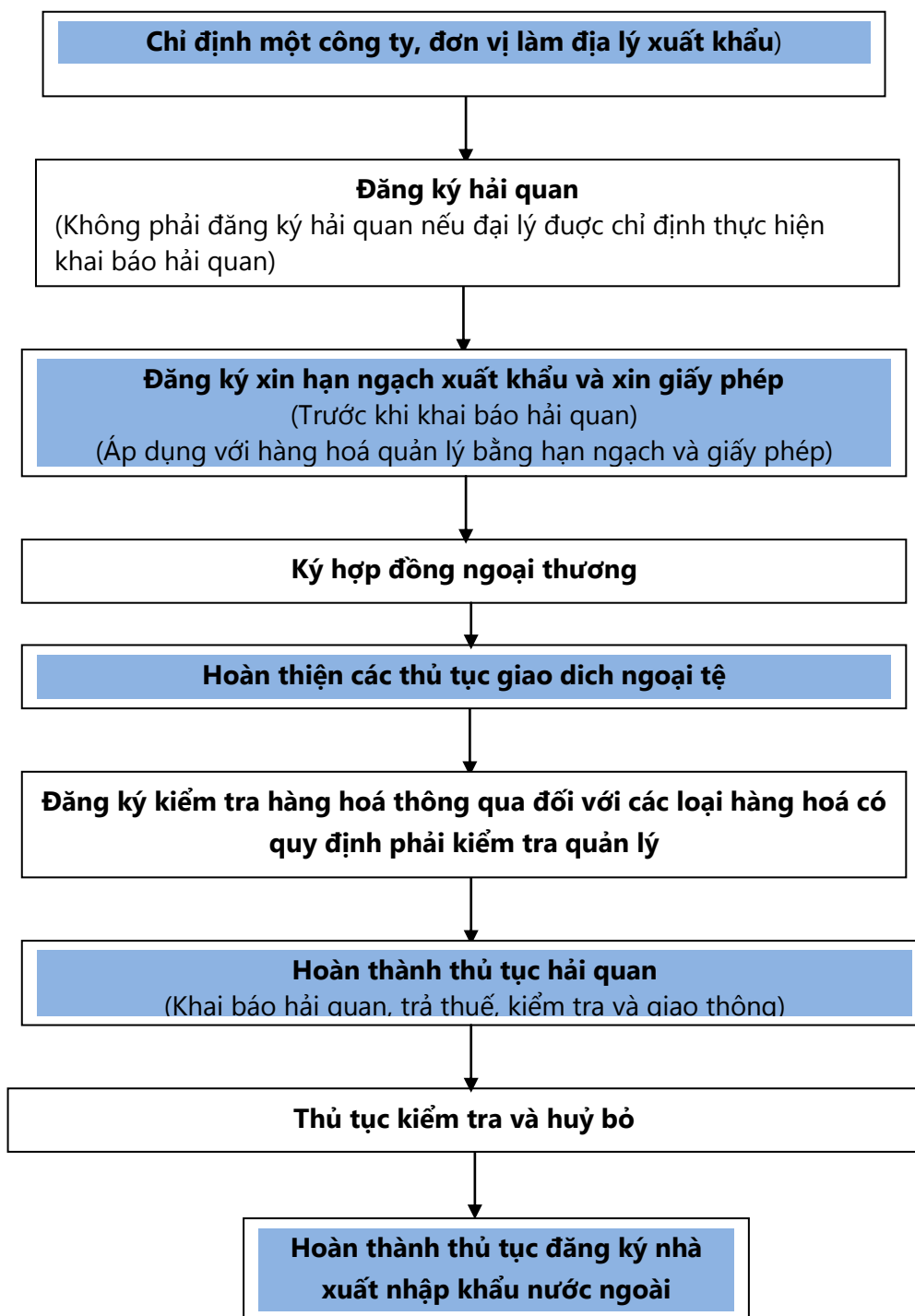
HS	Mặt hàng	Q2/2014	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)
854231	Mạch điện tử	696.10	-23.90
'851770	Linh kiện, thiết bị điện thoại	248.52	109.30
100630	Gạo đã xay sát toàn bộ hoặc sơ bộ	227.18	32.19
852580	Camera truyền hình, camera số và camera ghi hình ảnh	207.52	-6.52
081090	Hoa qua tươi	156.43	28.43
440122	Vỏ bào dăm gỗ từ cây không thuộc họ lá kim	144.85	-29.59
520512	Sợi có độ mảnh từ 232,56 decitex đến dưới 714,29 decitex	112.32	33.83
520514	Sợi có độ mảnh từ 125 decitex đến dưới 192,31 decitex	105.90	42.01
851830	Tai nghe có khung chụp qua đầu và tai nghe không có khung chụp qua đầu, có hoặc không nối với một micro, và	105.82	-17.25

HS	Mặt hàng	Q2/2014	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)
	các bộ gồm một micro và một hoặc nhiều loa:		
071410	Sắn thái lát hoặc dạng viên	87.20	-28.10
440399	Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng	85.20	388.71
844332	Máy in, máy copy, máy fax có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng	67.63	17.53
844399	Bộ phận máy in, máy copy, máy fax	65.72	1.28
640419	Giày, dép có đế ngoài bằng cao su hoặc plastic	62.44	67.08
850110	Động cơ có công suất không quá 37,5 W	54.33	-7.73
847160	Bộ nhập hoặc bộ xuất, có hoặc không chứa bộ lưu trữ trong cùng một vỏ	49.49	56.33
854442	Máy điện, thiết bị điện dùng cho viễn thông, điện áp không quá 80 V	42.25	389.28
850450	Cuộn cảm khác	36.07	38.56
940169	Ghế có khung bằng gỗ, loại khác	30.72	111.39
853400	Mạch in	28.54	109.72
391590	hế liệu, phế thải và mẫu vụn, của plastic	26.59	-0.97
847330	Bộ phận và phụ kiện của máy thuộc nhóm 84.71	25.58	54.72
870840	Hộp số và bộ phận của chúng	24.92	1,286.04
400122	Cao su tự nhiên đã định chuẩn về kỹ thuật (TSNR)	23.91	-44.44
702000	Khuôn bằng thủy tinh	23.32	50.96

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

Phần 2. QUY ĐỊNH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀO TRUNG QUỐC

1. Thủ tục hải quan khi xuất khẩu hàng vào Trung Quốc



Về thủ tục Trung Quốc áp dụng theo thông lệ quốc tế: hàng hóa nhập khẩu vào Trung Quốc trước hết phải là những hàng hóa được phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật Trung Quốc.

Dưới đây là những mặt hàng cấm nhập khẩu vào Trung Quốc gồm:

- Các loại vũ khí khác nhau, chất nổ;

- Tiền giả và các loại chứng khoán giả;
- Ấn phẩm, phim ảnh, những phương tiện truyền thông tác động xấu đến tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá và những giá trị đạo đức của Trung Quốc;
- Các chất độc hại;
- Thuốc phiện, moóc phin, heroin, bồ đề, các loại thuốc gây nghiện;
- Các loài động thực vật và sản phẩm liên quan có mang mầm bệnh, sâu rầy và các sinh vật sống có hại khác;
- Thực phẩm, dược phẩm và những hàng hóa khác đến từ những khu vực đang bị dịch bệnh;
- Các loại thực phẩm, thuốc men có hại đến sức khỏe của con người và vật nuôi hay mang mầm bệnh, xuất xứ từ các vùng bị bệnh truyền nhiễm tấn công;
- Đồng nhân dân tệ (RMB);
- Thực phẩm có chứa một số loại phẩm màu và các chất phụ gia có hại cho sức khỏe con người do Bộ y tế công bố.

Một số mặt hàng hạn chế nhập khẩu:

- Gỗ;
- Vải polyeste (vải nhân tạo dùng may quần áo);
- Cao su thiên nhiên;
- Thuốc lá;
- Bông;
- Xe cộ;
- Thiết bị gia dụng;
- Xe tải cần trục;
- Lúa gạo;
- Đường;
- Dầu thực vật;
- Cacbonat, đồ uống chứa cồn;
- Chất hóa học dùng trong nông nghiệp;
- Hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan, xuất trình các hồ sơ, chứng từ về hợp đồng, vận đơn, hóa đơn, giấy chứng nhận chất lượng, giấy chứng nhận kiểm dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm (nếu có), hoàn thành các thủ tục về thuế.

Các chứng từ nhập khẩu

Thông thường, nhà nhập khẩu Trung Quốc (đại lý, hãng phân phối, đối tác liên doanh) tiến hành thu thập những chứng từ cần thiết liên quan đến việc nhập khẩu hàng hóa và xuất trình cho cơ quan Hải quan Trung Quốc. Chứng từ cần thiết cho mỗi loại hàng sẽ khác nhau, nhưng đều phải có những chứng từ bắt buộc sau:

- Vận đơn;
- Hoá đơn thương mại;
 - + Yêu cầu 5 bản (1 bản gốc và 4 bản copy);
 - + Miêu tả đầy đủ chi tiết liên quan đến hàng hóa (số hóa đơn, tên Địa chỉ nhà xuất khẩu, giá của hàng hóa (FOB), trọng lượng...);
 - + Tên Địa chỉ đầy đủ của người mua hàng và đại lý tàu biển, hãng bảo hiểm;
 - + Hóa đơn phải được ký tay và phải được chứng thực là đúng của người gửi hàng hoặc đại lý.

- Giấy chứng nhận xuất xứ: yêu cầu bắt buộc để làm thủ tục thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu. Mẫu ưu đãi dành cho hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc là form E.

- Vận đơn;
- Phiếu đóng gói;
 - + Yêu cầu phải ghi đầy đủ nội dung của mỗi kiện hàng;
 - + Trên phiếu phải ghi rõ trọng lượng tịnh và trọng lượng tổng của kiện hàng.
- Tờ khai hải quan;
- Đơn bảo hiểm;
- Hợp đồng.

Những mặt hàng đặc biệt, những mặt hàng bị hạn chế nhập khẩu sẽ yêu cầu thêm các chứng từ sau

- Giấy phép nhập khẩu;
- Chứng nhận giám định do Cơ quan Kiểm tra chất lượng, giám định và kiểm dịch Trung Quốc hoặc Chi nhánh tại địa phương cấp;
- Giấy chứng nhận chất lượng hoặc Giấy chứng nhận an toàn sản phẩm khác...

Trong đó, giấy phép nhập khẩu của Trung Quốc gồm 3 loại như sau:

- + Giấy phép nhập khẩu hành chính: chỉ áp dụng cho các loại hàng hóa bị hạn chế nhập khẩu như các hóa chất dùng cho vũ khí quân sự, ma túy và các loại thuốc gây nghiện cũng như các vật liệu có thể gây suy giảm tầng ozone;
- + Giấy phép tự động: được áp dụng cho những hàng hóa không thuộc mục hạn chế nhập khẩu nhưng thuộc hạng mục hàng hóa cần được theo dõi bao gồm: gia cầm, dầu thực vật, thuốc lá, amiang, đồng, quặng, than đá, nguyên liệu nhựa, cao su thiên nhiên, giấy, vải sợi tổng hợp, sản phẩm điện, phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, thép, phôi thép...
- + Hạn ngạch nhập khẩu: áp dụng cho một số mặt hàng như các loại hạt, bông, đường, len, phân bón hóa học...

Giấy chứng nhận đặc biệt

- Giấy chứng nhận CCEE đối với các thiết bị điện và được cấp phát bởi Ủy ban liên quan của Trung Quốc.

- Kim loại, các chất hóa học và các mặt hàng tượng tự yêu cầu phải có giấy chứng nhận phân tích thành phần.

- Động vật, thực vật, các chế phẩm như vắc xin động vật, huyết thanh yêu cầu phải có giấy chứng nhận kiểm dịch từ nước xuất xứ nêu rõ nguồn gốc.

Quy định về bao gói, nhãn mác

Theo luật Trung Quốc về những tiêu chuẩn an toàn và chất lượng sản phẩm, một số mặt hàng nhập khẩu yêu cầu phải được giám định và chứng nhận phù hợp với những tiêu chuẩn bắt buộc của quốc gia, những tiêu chuẩn mật dịch trong nước và những tiêu chuẩn qui định trong hợp đồng. Một sản phẩm nếu được cấp giấy chứng nhận chất lượng sẽ được dán nhãn an toàn sản phẩm.

Mọi hàng hóa lưu thông trên thị trường Trung Quốc đều phải có mác kèm theo các thông tin liên quan bằng tiếng Trung Quốc. Cơ quan Kiểm dịch Chất lượng và Y tế quốc gia yêu cầu hàng thực phẩm nhập khẩu như: kẹo, rượu, quả hạch, thực phẩm đóng hộp và pho mát phải được dán tem và chứng nhận an toàn sản phẩm trước khi cho xuất khẩu và nhập khẩu. Nhà nhập khẩu phải chịu phí dán nhãn có hình, và nhãn dính có hình chỉ được dính vào sản phẩm khi có sự đồng ý của Cơ quan SACI (Cơ quan Kiểm dịch hàng xuất nhập khẩu Nhà nước).

Dán nhãn hàng thực phẩm

Tất cả hàng thực phẩm đóng gói nhập khẩu vào Trung Quốc (ngoại trừ hàng rời) đều phải dán nhãn bằng tiếng Trung với những thông tin sau đây:

- Loại sản phẩm;
- Tên nhãn hiệu, tên thương mại, tên và Địa chỉ của nhà sản xuất;
- Nước xuất xứ;
- Thành phần cấu thành;
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng;
- Qui định này áp dụng cho hàng nhập khẩu cũng như hàng nội địa đóng gói.

Dấu chứng nhận bắt buộc

Chính phủ Trung Quốc vừa đưa vào hệ thống chứng nhận an toàn mới, áp dụng cho 135 mặt hàng. Với hệ thống này, các nhà sản xuất muốn xuất khẩu hoặc bán hàng ở Trung Quốc phải có được dấu CCC. Hệ thống bắt đầu được áp dụng vào 1/5/2002 và hoàn toàn có hiệu lực vào 1/5/2003.

Dấu CCC

CCC là viết tắt của từ "China Compulsory Certification" (Chứng nhận bắt buộc của Trung Quốc). Đây là dấu an toàn và chất lượng mới nhất của Trung Quốc. Cục Công nhận và Chứng nhận Trung Quốc (CNCA) chịu trách nhiệm quản lý hệ thống tiêu chuẩn mới vốn được phát triển để đáp ứng được những yêu cầu đặt ra cho việc Trung Quốc gia nhập vào WTO. Trung tâm Chứng nhận Chất lượng Trung Quốc (CQC) được chỉ định bởi CNCA để xử lý việc cấp dấu CCC.

Những sản phẩm phải có dấu CCC: Có 135 loại sản phẩm chia làm 20 loại bao gồm: các đồ gia dụng, ô tô, mô tô, kính an toàn, thiết bị y tế, hệ thống chiếu sáng, và dây cáp. Danh sách chi tiết các mặt hàng này có thể tìm thấy ở:

<http://www.cqc.com.cn:8080/English/product/index.asp?ProductTypeID=29>

Quá trình xin cấp CCC có thể:

- + Kéo dài 60 đến 90 ngày hoặc lâu hơn;
- + Yêu cầu thử nghiệm tại một phòng thí nghiệm được công nhận ở Trung Quốc;
- + Thông thường không chấp nhận hình thức tự chứng nhận hoặc kết quả thử nghiệm của bên thứ 3;
- + Yêu cầu trình rất nhiều tài liệu kỹ thuật;
- + Yêu cầu gửi một sản phẩm mẫu đến phòng thí nghiệm ở Trung Quốc;
- + Yêu cầu có sự giám sát công ty của các chuyên viên Trung Quốc với chi phí do công ty xin cấp tự trả;
- + Yêu cầu có kiểm tra định kỳ sau đó khoảng 12 đến 18 tháng một lần;
- + Chi phí có thể đến vài ngàn đô la Mỹ.

Mẫu tờ khai

Application Form for resumption

04(1/1)

RỪNG TRUNG QUỐC

2. Thủ tục mở công ty và văn phòng đại diện tại Trung Quốc

Khi xin phép mở văn phòng/cơ quan đại diện, doanh nghiệp nước ngoài phải đệ trình những giấy tờ sau:

- + Bản gốc tờ đơn được gửi đến Bộ thương mại Trung Quốc (MOFCOM) và Hội đồng xúc tiến thương mại quốc tế của Trung Quốc (CCPIT). Trong đơn gửi đến MOFTEC và CCPIT, người làm đơn phải nêu rõ phạm vi kinh doanh của công ty, những lý do mở văn phòng/cơ quan đại diện, tên đầy đủ của trưởng đại diện được cử đến, vị trí muốn đặt văn phòng đại diện, kế hoạch các hoạt động kinh doanh chính trong khuôn khổ của các hoạt động liên lạc, tư vấn và thời gian hoạt động của văn phòng đại diện.

- + Bản chứng nhận đăng kí kinh doanh của công ty đã chứng thực;
- + Bản gốc tờ tuyên bố thành lập cơ quan đại diện của ban giám đốc công ty làm đơn;
- + Hồ sơ tóm tắt về công ty bao gồm các thông tin về quy mô kinh doanh, hoạt động và doanh số hàng năm;

- + Bản gốc giấy chứng nhận của ban giám đốc công ty, trong đó nêu rõ việc chỉ định trưởng đại diện ở Trung Quốc;

- + Bản gốc của bản cân đối tài chính công ty do ngân hàng mà trụ sở của công ty có tài khoản tại đó cấp;

- + Bản gốc sơ yếu lý lịch của trưởng đại diện công ty, bao gồm các thông tin về trình độ học vấn và kinh nghiệm làm việc;

- + Bản sao hộ chiếu nếu như trưởng đại diện là người nước ngoài. Nếu trưởng đại diện là người quốc tịch Trung Quốc thì yêu cầu công ty cung cấp bản gốc giấy chứng nhận do công ty dịch vụ các xí nghiệp nước ngoài cấp và bản sao chứng minh thư thường trú;

- + Ba tờ mẫu đơn được điền giống hết nhau về việc thành lập cơ quan đại diện của xí nghiệp nước ngoài;

- + Ba tờ mẫu giống nhau ghi danh sách nhân viên của văn phòng đại diện cùng với 6 ảnh trưởng đại diện chụp cỡ ảnh hộ chiếu (2 inch). Nhà kinh doanh, sản xuất hay đại lý tàu biển phải làm đơn xin phép MOFCOM nếu muốn thành lập cơ quan thường trú; cơ quan ngân hàng hoặc bảo hiểm thì phải xin phép Ngân hàng Nhân dân Trung Hoa; cơ quan điều hành vận tải biển hoặc đại lý phải xin phép Bộ Giao thông; cơ quan vận tải hàng không phải xin phép Tổng cục quản lý hàng không dân dụng (CAAC); các cơ quan khác thì tùy theo loại hình kinh doanh mà xin phép các uỷ ban, bộ hay cục phù hợp.

Khi đã được sự phê duyệt của các cơ quan chính quyền liên quan thì sẽ đăng kí với ban quản lý công nghiệp và thương mại nhà nước của Chính phủ Trung ương hoặc Chính phủ địa phương liên quan. Khi các xí nghiệp nước ngoài đã được phê duyệt và đăng kí thì các quyền và lợi ích hợp pháp của họ sẽ được bảo vệ theo luật pháp liên quan.

Những nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp nước ngoài không có kế hoạch mở văn phòng đại diện ngay ở Trung Quốc nhưng muốn mở thì có thể liên lạc với thành phố hoặc các cơ quan chi nhánh tỉnh của CCPIT để biết được những thủ tục cần thiết mở văn phòng đại diện tại địa phương.

3. Một số điểm lưu ý khi kinh doanh với Trung Quốc

Tiếp cận với một thị trường qui mô to lớn, địa lý gần gũi, nhu cầu đa dạng, các yêu cầu về chất lượng chưa quá cao, phù hợp với năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam, các doanh nghiệp Việt Nam cần hết sức nắm rõ các yêu cầu về luật pháp của Trung Quốc, tận dụng những thuận lợi và hạn chế những yếu điểm của doanh nghiệp Việt Nam.

Một mặt, do thuận lợi về điều kiện địa lý nên các doanh nghiệp Việt Nam – Trung Quốc hợp tác trao đổi hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới, trao đổi mậu biên giữa Việt Nam – Trung Quốc đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, có tác động không nhỏ tới kinh tế các tỉnh biên giới, đồng thời cũng tác động thúc đẩy phát triển kinh tế đến hầu hết các địa phương trong cả nước Việt Nam. Xong, biên mậu Việt Nam – Trung Quốc cũng tồn tại một số tình trạng:

- Số lượng nhiều, kim ngạch lớn, song thủ tục giao dịch không quy phạm, thiếu an toàn, biện pháp quản lý thay đổi luôn, khiến buôn bán giao dịch không ổn định.

- Việt Nam xuất khẩu tự do, Trung Quốc nhập khẩu có đầu mối, dễ gây nên tình trạng “thắt cổ chai”, tạo quyền chủ động cho bên nhập khẩu, gây bất lợi cho bên xuất khẩu.

- Buôn lậu, gian lận thương mại còn nhiều.

Khi làm việc với doanh nhân Trung Quốc, doanh nghiệp Việt Nam nên lưu ý một số điểm sau đây:

Hầu hết các doanh nghiệp Trung Quốc giao dịch bằng giá FOB, chỉ có một số ít nhập khẩu với giá CIF, thanh toán nên sử dụng hình thức L/C. Đối với các doanh nghiệp lần đầu làm ăn tốt nhất nên đề nghị họ cung cấp giấy phép kinh doanh do Cục Quản lý hành chính công thương tại tỉnh, thành phố của Trung Quốc nơi doanh nghiệp đó có trụ sở để tránh lừa đảo.

Về văn hóa Trung Quốc tương đối giống với Việt Nam, tỏ ra chân thành là điểm được doanh nhân Trung Quốc đánh giá rất cao. Chữ tín và thủy chung đặc biệt được doanh nhân Trung Quốc coi trọng để hợp tác lâu dài.

Giờ làm việc chính thức của Trung Quốc cũng bắt đầu từ 8h-17h.

Doanh nhân Trung Quốc cũng đề cao nguyên tắc có đi có lại và thường cố gắng hạ giá sản phẩm bằng mọi cách: như tìm ra những điểm yếu của đối tác để giảm giá (như chất lượng sản phẩm chưa thật tốt, mẫu mã kém, công ty nhỏ...), hoặc đòi hỏi những điều kiện phụ kèm nhằm gián tiếp giảm giá. Vì vậy, cần hết sức chú ý các điều khoản hợp đồng và tránh bị ràng buộc bởi điều khoản “giúp Trung Quốc phát triển” của đối tác. Đồng thời cũng hết sức kiên nhẫn để thương lượng, không ngại phải lặp lại nhiều lần khi thương thuyết để đi đến kết luận cuối cùng.

Tốt nhất, nên có hai bản hợp đồng bằng tiếng Việt (hoặc tiếng Anh) và tiếng Hoa và quy định bản tiếng Việt (hoặc tiếng Anh) có giá trị pháp lý khi kiện cáo (vì dịch thuật có thể không khớp với nhau). Trong hợp đồng cần có điều khoản chọn Trọng tài và luật áp dụng (vì hệ thống pháp lý của Trung Quốc chưa hoàn chỉnh) nên chọn trọng tài là một nước thứ ba để tránh những tranh chấp về sau.

Phần 3. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

1. Các cơ quan đại diện thương mại tại Trung Quốc

Bộ Thương mại Trung Quốc

Địa chỉ 2, Dong Chang'an Avenue, BEIJING 100731
Điện thoại 0086-10-65198114
Fax 0086-10-65198039
Email moftec@moftec.gov.cn
Website <http://english.mofcom.gov.cn/>

Hội đồng xúc tiến thương mại quốc tế Trung Quốc

Địa chỉ 1 Fuxingmenwai Street, Beijing 100860, P.R.China
Điện thoại 0086-10-88075716
Fax 0086-10-68030747
Website <http://english.ccpit.org/>

Tổng cục Hải quan Trung Quốc

Địa chỉ No.6 Jianguomennei Avenue, Dongcheng District, Beijing, China,
Mã bưu điện 100730
Điện thoại <http://english.customs.gov.cn/Default.aspx?tabid=3972>

Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Côn Minh, Trung Quốc

Địa chỉ No. 507, HongTa Mansion. 1 No. 155 Beijing Road, Kuming, China,
Mã bưu điện 65001
Điện thoại 0086-871-3522669
Fax 0086-871-3516667
Email tlsqcm@yahoo.com
Website <http://www.vietnamconsulate-kunming.org/vi/>

Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Nam Ninh, Trung Quốc

Địa chỉ 1 floor Touzi Dasha 109 Minzu Avenue Nanning
Điện thoại 0086-771-551-0562
Fax 0086-771-553-4738

Email tlsqvn@rediffmail.com

Thương vụ Việt Nam tại Bắc Kinh, Trung Quốc

Địa chỉ No. 32 Guanghua Rd., Chaoyang Dist., Beijing, P.R. China. P.C: 100600

Điện thoại 0086-106-5327035

Fax 0086-106-5325415

Email cn@moit.gov.vn

Thương vụ Việt Nam tại Côn Minh, Trung Quốc

Địa chỉ Tai Long Hong Rui Hotel, Chun Cheng Road, No 279, Kun Ming City,
Yun Nan Province, China

Điện thoại 0086-871-3512621

Fax 0086-871-3519119

Email conminh@moit.gov.vn

Thương vụ Việt Nam tại Quảng Châu, Trung Quốc

Địa chỉ Room 1305, 13th Floor, Guangzhou Peace World Plaza, No. 362-366 Huanshi
Dong Road Guangzhou City

Điện thoại 0086-208-3744984

Fax 0086-208-3740461

Email quangchau@moit.gov.vn

Thương vụ Việt Nam tại Nam Ninh, Trung Quốc

Địa chỉ Room 1910, Building 2nd, No. 131 Minzu Avenue, Hang Yang International
Center, Nanning City, Guangxi, China

Điện thoại 0086-771-5534752

Fax 0086-771-5534751

Email namninh@moit.gov.vn

2. Danh sách các nhà nhập khẩu

Bột đậu tương - Thức ăn chăn nuôi

Tên công ty: **Anand Over Seas**

Địa chỉ: Room 406, Unit 3, Area C, Yinlong Business Building, YIWU City, Zhejiang, China

Người liên lạc: Mr Sabrina Wu

Điện thoại: 0086-579-85544176

Email: wujun_11@hotmail.com, sabrinabusiness@yahoo.cn

Tên công ty: **Fam System Co., Ltd.**

Địa chỉ: ROOM 1907,BUILDING 2, BLUE OCEAN TECH PLAZA, NO. 58 EAST XINJIAN ROAD, MINHANG DIST, SHANGHAI 201100, CHINA

Người liên lạc: Mr. Jeff Jiang

Điện thoại 86-21-34972178-8016

Email: Jeff@fam-system.com

Website: <http://www.fam-system.com>

Tên công ty **Nanning Junshuo Trading Co., Ltd.**

Người liên lạc: Mr Andy Huang

Điện thoại 86-0-13768279805

Email: hz20001212@yahoo.com.cn

Tên công ty: **GUANGZHOU CHEMICALS IMP. & EXP. CORP**

Địa chỉ: 15TH.FL, 691 REN MIN ROAD NORTH GUANGZHOU, CHINA

Người liên lạc: Mr. MA JIE KUN

Điện thoại: 86-20-81082355

Email: mars_mjk@126.com

Tên công ty: **LICHUN FOOD**

Người liên lạc: Mr LICHUN ZHANG

Điện thoại 1-604-2987728

Email: YULING_QU@HOTMAIL.COM

Tên công ty: **Hunan Loudi Xingxing Industrial Co., Ltd**

Địa chỉ Lianbin Road (W) , Loudi, Hunan, China, Loudi, Hunan , China

Người liên lạc: Mr Liu Zhi jiang

Điện thoại 86-738-8292565

Email: shumart@126.com

Đồ uống và Thực phẩm

Tên công ty: **Rizhao Jufeng Foodstuffs Co., Ltd**

Địa chỉ: Donggang, rizhao, Shandong, China
Người liên lạc: Mr Terry Lee
Điện thoại: 86-633-8537667
Email: jufengfoods@yeah.net
Website <http://www.jufengfoods.com/>

Tên công ty: **Beijing Findik Foods co., Ltd**
Địa chỉ: The Spaces International Center A-25FL, 8 Dongdaqiaolu, Beijing 100020, China
Người liên lạc: Anson Yang
Điện thoại: 86 10 58700808 Ext: 285
Email: y.zheng@bjfindik.com
Website: <http://www.bjfindik.com>

Tên công ty: **JUAN YE**
Địa chỉ: #63Yangqi Road, Fuwan, China
Người liên lạc: Ms JUAN YE
Điện thoại: 86-591-88000588-848
Email: yejuanjane@163.com

Tên công ty: **Royal international trading company**
Địa chỉ: bidou, shenzhen, Guangdong, China
Người liên lạc: Mr Ben Shittu
Điện thoại: 86-755-25115914
Email: royalint_trade@yahoo.com

Các sản phẩm nhựa và cao su

Tên công ty **Anwan International Trade Co., Ltd**
Địa chỉ 28 Maji Road, Room 1801, Waigaoqiao Free Trade Zone, Pudong, Shanghai, China
Điện thoại 0086-21-58692663
Fax 0086-21-58690503
Email anwan@anwaninternational.com , anwantrading@yahoo.com
Website <http://www.anwaninternational.com>

Tên công ty **Neil fan xintai chunhui modified plastic Co.,Ltd**
Địa chỉ #128, Dongfeng Road, Haiyang, Shandong, P.R. China

Mã bưu điện 265100
Điện thoại 0086 137 8096 4661
Fax 0086 535 320 6618
Email bagplastics@vip.163.com
Website www.bag-plastics.com

Tên công ty: **Shandong Senrong Plastic Industry Technology Co.,Ltd.**
Địa chỉ: 25640 Huantai Zibo Shandong China
Mã bưu điện : 256403
Điện thoại: 0086-533-8882528; 8882299; 8888350
Fax: 0086-533-8888255
E-mail: senrong@zbsenrong.com
Website: <http://en.sdsenrong.com>

Tên công ty: **Hengshui Fleet Rubber Hose Industry Co. Ltd.**
Địa chỉ: No.898, North street of Yucai, Hengshui City, Hebei China.
Điện thoại: 86-318-2100354
Fax: 86-318-2179699
Mobile: 86-15610960985
E-mail: ellen@fleethose.cn
Web: www.fleethose.cn

Tên công ty: **JIZHOU ZHONGYI FRP CO.,LTD.**
Địa chỉ: No. 14, Nanqiao Street, Jizhou City, Hebei Province, China.
Điện thoại: 86-318-8638136
Fax: 86-318-8612721
E-mail: jzyfrp@jzfrp.com, salesdirector@jzfrp.com, export@jzfrp.com
Web: <http://www.jzfrp.cn/>

Tên công ty: **Hefei JBS Parts Co., Ltd.**
Địa chỉ: No.26, Hetang Road, Luyang District, Hefei, Anhui, CN230088

Điện thoại: 86-551-65554802
Fax: 86-551-65554804
24h Hot Line: 86-155 5547 7786
Email: info@jbsrubber.com
Website: <http://www.jbsrubber.com/>

Tên công ty: **Taizhou FengLiLai Plastic Co., Ltd**
Địa chỉ: HongDa Plastic industrial park, of TAIZHOU, Zhejiang, China.
Điện thoại: 0086-576-86312858
Fax: 0086-576-86312851
E-mail: sales2@fllpc.com, sam@aricare.cn
Web: www.fllpc.com